

# HỒN DÂN TỘC TRONG MỸ THUẬT CHÈO NGUYỄN DÂN QUỐC

PHẠM DUY KHUÊ\*

**Tóm tắt:** “Sắc sắc không không” - có mà không, không mà có - một trong những triết lý căn bản của giáo lý đạo Phật. Triết lý này tưởng chừng mơ hồ, nhưng ở góc nhìn, tầm nhìn và cách nhìn khoa học biện chứng thì hoàn toàn đúng với ý nghĩa vật chất của nó. Hoạ sĩ thiết kế mỹ thuật sân khấu chèo Nguyễn Dân Quốc phải chăng đã lấy triết lý này làm phương châm cho sáng tạo của mình. Nó được gợi ý từ cái mạng nhện trong thiết kế toàn bộ “không gian” sống của vai Suy Vân và các nhân vật trong vở diễn Suy Vân, do hoạ sĩ Nguyễn Đình Hàm - người thầy của ông, người hoạ sĩ thiết kế mỹ thuật sân khấu Chèo đầu tiên sáng tạo ra.

**Từ khóa:** chèo, mỹ thuật, tả ý, hiện thực, cách điệu, ước lệ

**Abstract:** “Sắc sắc không không” - yes and no, no and yes - is one of the fundamental philosophies of Buddhist teachings. This philosophy seems vague, but from a dialectically scientific perspective and vision, it is completely true to its material meaning. The Cheo stage art designer Nguyen Dan Quoc must have taken this philosophy as the motto for his creations. It was inspired by the spider web in the design of the entire living “space” of the role of Suy Van and the characters in the play Suy Van, created by the artist Nguyen Dinh Ham - Nguyen Dan Quoc's teacher, the first Cheo stage art designer.

**Keywords:** Cheo, fine art, descriptive, realistic, stylized, conventional



Sinh ngày 15/01/1943, Nguyễn Dân Quốc là hoạ sĩ thiết kế mỹ thuật sân, thuộc thế hệ thứ hai, trong số ít những hoạ sĩ thiết kế mỹ thuật sân cho khấu Chèo. Ông sinh ra ở phố Lãn Ông, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, trong một gia đình có truyền thống văn hoá, văn học vững vàng. Ông là một trong số những hoạ sĩ đã dành cả cuộc đời cống hiến cho sự phát triển của mỹ thuật Chèo. Các sáng tác của ông giàu chất dân gian, mộc mạc, giản dị, tinh tế và trang nhã, mang vẻ đẹp đầy chất thơ, thấm đẫm tâm hồn và bản sắc dân tộc Việt Nam. Người xem luôn cảm nhận được “hồn Chèo” kết đọng trong mỗi tác phẩm của ông<sup>(1)</sup>.

Trong bài viết này, chúng tôi không có ý định khắc hoạ chân dung nghệ sĩ Nguyễn Dân Quốc, mà chỉ mong tìm thấy ở ông những hiểu biết và vận dụng các nguyên tắc thuộc phương pháp thể loại, vào sáng tác thiết kế mỹ thuật trong hơn 120 vở diễn chèo, (hiện thực dân gian, hiện thực trong các truyện nôm khuyết danh, thần thoại, cổ tích, dã sử, lịch sử), và các vở diễn đề tài cách mạng và kháng chiến (còn gọi là Chèo Cách mạng), với cảm thức như GS. NSND. Trần Bảng đã viết: Tôi rất mừng khi được tin Nhà xuất bản Sân khấu in bộ tác phẩm *Mỹ thuật Chèo* của hoạ sĩ Dân Quốc.

(1). Nguyễn Dân Quốc (2012), tr. 2



Họa sỹ Quốc Dân (Ký họa)

Đây hầu như là toàn bộ những tác phẩm sáng tác của họa sỹ dành cho mỹ thuật Chèo trong suốt hơn 40 năm qua. Tất cả đều được phục hồi, gia công, biên tập, trình bày và chế bản rất đẹp. Đó là điều đặc biệt, mà chưa một họa sỹ nào làm được. Tôi cảm phục niềm đam mê trong trái tim người nghệ sỹ ở tuổi “thất thập” trước niềm tin vào sự trường tồn bất diệt của nghệ thuật Chèo - một di sản sân khấu đặc sắc trong kho tàng văn hoá Việt Nam<sup>(2)</sup>.

Dân Quốc là họa sỹ không chỉ thạo “nghề” hội họa mà còn am hiểu sâu sắc các loại hình, loại thể nghệ thuật thuật có liên quan như: kiến trúc, điêu khắc (nhất là kiến trúc, điêu khắc dân tộc), nghệ thuật đạo diễn, nghệ thuật biểu diễn Chèo. Đặc biệt, ông từng nghiên cứu, nắm vững nghệ thuật Chèo cổ và *phương pháp thể loại của Chèo truyền thống*, kết tinh của nghệ thuật Chèo Việt Nam; Đó là phương pháp *Hiện thực tả ý* hiện thân của *tư duy liên tưởng* - minh mông và mơ hồ, nhưng chân thực và lãng mạn; với cả một hệ thống những nguyên tắc của nó là:

*Một là, nguyên tắc Tự sự:* Lấy các nhân vật để kể một câu chuyện, gồm kể tích, kể tính, kể tình, kể cảnh, kể tình huống, kể mâu thuẫn - xung đột, kể quan hệ; dùng múa, hát (hát, ngâm, vịnh, vìa, nói lối, nói cách, diễn xuất) và hành động cách điệu để hiển thị hành động sống - hành động ứng xử (đối nhân, xử thế, những nét tính cách và toàn bộ những trạng thái tâm lý thuộc đời sống nội tâm) của các nhân vật.

*Hai là, nguyên tắc Ước lệ:* Không hiển thị toàn bộ quá trình đời người của các nhân vật, của câu chuyện, của sự việc...; mà chỉ diễn kể những kết quả quan trọng (tại những bước ngoặt, bước nhảy vọt) trong quá trình đời người - nhân vật và câu chuyện kể mang tính gọi tưởng. *Ước lệ* trong nghệ thuật Chèo có các hình thức như: đối xứng, đối tỉ, đặng đối lệch, tín hiệu biểu tượng - biểu trưng, lấy mây tả trăng, lấy nước tả trời,...

*Ba là, nguyên tắc Lạ hoá:* Lạ hoá không chỉ là nguyên tắc của riêng Chèo, mà là nguyên tắc của nhiều loại hình văn học, nghệ thuật. Khi nói về khái quát hoá và điển hình hoá nhân vật trong tác phẩm văn học, nghệ thuật, Maksim Gorky đã xác định, đó là *những người lạ đã quen*. Bởi vì, văn học, nghệ thuật phản ánh hiện thực không giống một chiếc gương soi, không mô phỏng, sao chép hiện thực, mà đời sống con người của hiện thực được phản ánh luôn thông qua nhào nặn của cảm thức, suy cảm, tư duy và mục đích sáng tạo của chủ quan nghệ sỹ. Khi đã trở thành nhân vật, và cao hơn là hình tượng nghệ thuật của nhân vật, thì nó không còn là nguyên bản từ sự thật đời sống nữa; nó nhất thiết đã được khái quát hoá, cải biến, hư cấu, tổng hợp đúc liền đến “kỳ lạ”, nhưng người đọc, người xem vẫn nhận ra nó từ “cái gì” của sự thật đời sống.

*Bốn là, nguyên tắc Lấy điểm để tả diện:* Điểm ở đây là điểm đặc định, điểm mang tính khái quát, điển hình, kết đọng thành một biểu tượng; thậm chí là điểm mang tính tín hiệu

(2). Nguyễn Dân Quốc (2012), tr. 213

(dấu hiệu, ký hiệu) tượng trưng. Điềm gợi tưởng - từ một điểm đặc định có thể gợi tưởng đến cái toàn thể hoặc một loạt cái (hữu thể và vô thể) tương đồng với nó. Dùng điểm đặc định kết hợp với nghệ thuật diễn xuất của diễn viên đóng vai, với âm nhạc, ánh sáng, tiếng động, hình ảnh trên màn hình *led* ... để nhấn mạnh, đặc tả, đột xuất ý, tình huống, hoàn cảnh, xung đột, tính cách...

*Năm là*, nguyên tác *Cách điệu hoá*: Chèo là một thể loại kịch hát dân tộc. Kịch bản Chèo nhất thiết được viết bằng văn vần hiển thị dưới dạng các thể thơ dân tộc, phổ biến là thơ lục bát, tứ tuyệt... đồng thời, cũng là ca từ của các làn điệu Chèo, nói lối, nói cách, ngâm, vịnh, vĩa; hành động thể hiện đời sống nội tâm, ngoại hình, tính cách, quan hệ người, môi trường sống... của con người - nhân vật cũng được thể hiện bằng múa (múa Chèo và múa trong Chèo) và hành động cách điệu (người xưa gọi là *á múa*). Nói chung, toàn thể ngôn ngữ, thậm chí, cả hiện thực được phản ánh trong tác phẩm nghệ thuật Chèo đều mang tính cách điệu. Các vở diễn Chèo cổ - Chèo sân đình xưa đều không có rạp hát, càng không có sàn diễn. Sân khấu (sàn diễn) chỉ là bốn, sáu, hoặc tám chiếc chiếu đại, trải ở góc sân đình, góc sân nhà, hoặc nơi bãi chợ, bến sông. Chèo cổ không có trang trí, “bố cảnh” đều qua lời kịch và hành động diễn xuất cách điệu của diễn viên đóng vai.

*Sáu là*, nguyên tác *Ẩn dụ hoá*: Còn gọi là *vi ngâm*, thuộc phạm trù so sánh, “nhưng ở mức độ nghệ thuật cao hơn, *không còn về bị so sánh*, chỉ còn về đem ra so sánh, gây một tác dụng liên tưởng kín đáo hơn. Ẩn dụ không mang chức năng định danh, mà là biểu cảm:

“*Thuyền về có nhớ bến chăng,  
Bến thì một dạ khăng khăng đợi thuyền*”  
(Ca dao).

Ẩn dụ là nơi thử thách tài năng của nhà văn. Ẩn dụ hay là một sự khám phá, thu hút người đọc chú ý và liên tưởng đến những khía cạnh

mới mẻ của đối tượng được biểu hiện:

“*Bây giờ mạn mới hỏi đào,  
Vườn hồng đã có ai vào hay chưa?  
Mạn hỏi thì đào xin thưa,  
Vườn hồng có lối nhưng chưa ai vào.*”  
(Ca dao).

Cơ sở tâm lý của ẩn dụ là sự liên tưởng, và cho dù tinh tế, kỳ diệu đến đâu cũng phải có căn cứ và có thể hiểu được. Cần tránh lối liên tưởng kỳ quặc, khó hiểu, bí hiểm.

Trong sáng tạo thiết kế mỹ thuật Chèo của mình, họa sĩ Dân Quốc rất chú trọng sử dụng lối *ẩn dụ bổ sung* và gợi tưởng chính xác cho người xem.

*Bảy là*, nguyên tác *Đối sánh – so sánh, đối chiếu*: “Nhìn vào cái này mà xem xét cái kia để thấy sự giống nhau, khác nhau hoặc sự hơn kém”<sup>(3)</sup>. Nhìn vào cái cụ thể để hình dung ra cái trừu tượng, lấy cái thật để hiện thân cho cái ảo. “So sánh cái này với cái kia (thường là cái dùng làm chuẩn) để từ những chỗ giống nhau và khác nhau mà biết rõ hơn về đối tượng”<sup>(4)</sup> phản ánh. Tất cả những tác phẩm thiết kế mỹ thuật cho các vở diễn Chèo của mình, họa sĩ Dân Quốc luôn quán triệt nguyên tắc đối sánh để gợi tưởng cho khán giả đến những không gian, môi trường, bối cảnh sống... tự nhiên, xã hội, nhân sinh mà các nhân vật đang sống và hành động để khẳng định mình.

*Tám là*, nguyên tác *Huyền thoại hoá*: Hiện thị một sự vật không có thật, hoàn toàn do họa sĩ tưởng tượng ra để biểu hiện một khoảng không gian, một mảnh đời éo le, một trạng thái cảm thức gắn với một bối cảnh nào đó, một truyện đời nào đó có tính li kỳ, huyền linh, mơ hồ, nhất là những cảnh huống, những trạng thái hoạt động trong cõi tâm linh. Những biểu hiện do suy tưởng *huyền thoại hoá* tạo nên ấy, rất đa dạng về hình hài, dáng vẻ, sắc thái và mang tải ở chúng rõ ràng những nội dung, đậm đà chất thơ, sâu sắc tính triết học, tính thẩm mỹ.

(3). Trung tâm Từ điển học (2015), tr. 1351

(4). Trung tâm Từ điển học (2015), tr. 544

*Chín là*, nguyên tắc *Tượng trưng*: Phương pháp thể loại của Chèo là *Hiện thực tả ý*, không quá lệ thuộc vào “sự thật”, nhưng không đến nỗi thoát li hoàn toàn sự thật. Bởi vậy, nguyên tắc tượng trưng ít dùng trong Chèo, nhưng không có nghĩa là hoàn toàn không dùng. Hoạ sĩ Dân Quốc sử dụng nguyên tắc tượng trưng như mọi nguyên tắc khác. Chẳng hạn, trong vở *Suy Vân* của đoàn Chèo Hà Nam, năm 2001, ông đã dựng chữ “HỖ” - chữ Hán (người con gái đến tuổi trăng tròn, nghĩa là đến tuổi trưởng thành, phải đi lấy chồng) áp vào nửa vàng trăng tròn đối diện với 2 tấm pano hiển thị hai bức tranh trúc, mai (tượng trưng cho người con trai và người con gái hợp đôi). Cảnh chỉ thể thôi, mà đã nói lên tất cả.

*Mười là*, nguyên tắc *Giả định hoá*: Giả định là một nguyên tắc có tính biện pháp không chỉ hữu dụng ở phương pháp nghệ thuật Chèo, mà ở không ít những loại hình nghệ thuật khác cũng sử dụng nguyên tắc này như: văn học, múa, kiến trúc, điêu khắc, âm nhạc. Bởi quá trình thực tế tìm chọn những vấn đề, những sự kiện, những sự việc, những chi tiết, những ý tưởng... đời sống để nhào nặn, sáng tạo - xây dựng nên tác phẩm văn học, nghệ thuật, đâu phải tất cả đều hiển hiện ra trước các giác quan nghệ sĩ, mà chúng ẩn, hiện thật kỳ thú; có sự vật chỉ có thể cảm thấy, nên người ta, trong đó có cả nghệ sĩ có thể lấy một điều nào đó, một cái gì đó *như là có thật* để làm căn cứ, rồi đưa ra những giả định (giả thiết, giả thử...) là như thế.

Trong sáng tác các thiết kế mỹ thuật của mình, hoạ sĩ Dân Quốc tâm đắc với nguyên tắc giả định; giống như trong toán học, ông đưa ra đáp số “giả dụ” là như thế, rồi ông đi tìm lời giải chứng minh, giải nghĩa cho cái đáp số đã dẫn ra. Nguyên tắc này được ông ưu tiên sử dụng trong thiết kế mỹ thuật cho vở diễn *Tám Cám* của đoàn Chèo Hà Tây, năm 1970. Cây cau, giếng nước, hai cây hoa nhỏ mọc cạnh giếng

nước cao ngang nhau, đẹp như nhau ...Tường là cảnh thật, nhưng đó là giả dụ, giả dụ trong sự phối hợp của hàng loạt những nguyên tắc khác nhau như tượng trưng, lạ hoá, ước lệ hoá, đối chiếu,... khiến ý ngầm về tình yêu trong xung đột giữa hai chị em Tấm - Cám - giữa thiện và ác mà kẻ châm ngòi và khơi dậy ngọn lửa bạo tàn ấy chính là mục Cám đang hiện hữu ở phía đối lập.

*Mười một là*, nguyên tắc *Mô hình hoá*, còn gọi là *trình thức hoá*. Trong sáng tác văn học, nghệ thuật, nhiều khi người ta coi mô hình hoá là một phương pháp biểu tượng. Phải khẳng định rằng, nghệ thuật nói chung và nghệ thuật Chèo nói riêng, mang tính chất mô hình với thể thức là cảnh huống trong hiện thực được mô tả trong quan hệ đẳng cấp (hoặc đồng cấu) vào trong cảnh huống của tích trò (hoặc đề tài).

“Mô hình (và các kiểu mô hình hoá) có đa dạng đến mấy, thì tất cả đều có một đặc điểm chung là: Chúng đều là phương thức đặc biệt biểu hiện ra với tư cách là công cụ sự nhận thức”<sup>(5)</sup>.

Trong thực tế sáng tạo nghệ thuật nói chung, nghệ thuật Chèo nói riêng, mô hình chỉ có thể chứa đựng những mặt, những nét, những yếu tố căn bản nhất định của nguyên mẫu đối tượng phản ánh. Do đó, cùng một đối tượng có thể sáng tạo, xây dựng nên nhiều mô hình khác nhau. Từ một mô hình có thể chuyển hoá sang thành nhiều mô hình cùng hệ thống. Bởi vậy, nhìn toàn thể các thiết kế mỹ thuật của các vở diễn Chèo cổ, *Chèo truyền thống* đề tài dân gian, thần thoại, cổ tích, dã sử, lịch sử (thuộc về quá khứ), nguyên tắc *mô hình hoá* được hoạ sĩ Dân Quốc vận dụng thành thạo, linh hoạt và đa dạng.

Hội hoạ, điêu khắc là nghệ thuật *tạo hình* không gian, nhưng hội hoạ - thiết kế mỹ thuật sân khấu nói chung, thiết kế mỹ thuật Chèo nói riêng là nghệ thuật *tạo hình* không gian mang

(5). Trần Bảng (1999), tr. 143-144

tính tổng hợp cả không gian tự nhiên lẫn không gian xã hội, không gian tư duy và không gian triết - mỹ,... Ngay trong một khoảnh, một góc, một mảnh, một lô đất, trời chỉ là không gian tự nhiên hiển thị một địa điểm - không gian sống cụ thể của nhân vật cũng không thể đơn thuần là địa điểm “vật thể” hữu thể, mà để biểu hiện một ý, một tình, một nội dung, tư tưởng nào đó, qua *tư duy liên tưởng* của họa sĩ thiết kế mỹ thuật Chèo, những địa điểm ấy hiện ra là những bức tranh đa dạng, hết hợp với diễn xuất của các diễn viên đóng vai, với âm nhạc, ánh sáng v.v... chúng đã biến thành những cảnh sống - môi trường sống của những con người ở những vùng miền, quốc gia, dân tộc, thời đại khác nhau. Họa sĩ Dân Quốc không chỉ là người có “sở trường” tư duy liên tưởng của nghệ thuật Chèo, mà còn am hiểu, cảm thức, cảm hứng sâu sắc và mê say Chèo cổ, Chèo truyền thống, những bức tranh thuộc dòng tranh dân gian: tranh Đông Hồ, tranh Hàng Trống, tranh Làng Sinh; ngưỡng mộ những tranh thờ miền núi của dân tộc Dao, Tày, Nùng, H'Mông...; và những tượng gỗ dân gian trang trí ở các nhà mồ của đồng bào Tây Nguyên. Tất cả đọng lại nơi suy cảm - cảm thức và tư duy của họa sĩ mỹ thuật Chèo này, đang chuyển nhập chúng vào những cảnh tượng, phục trang trong các vở diễn Chèo cổ, Chèo truyền thống, Chèo đề tài hiện đại do ông thiết kế; chúng không chỉ là địa điểm, là hoàn cảnh - không gian sống riêng biệt của các nhân vật nhất định, mà còn là những bức tranh “độc lập” về cảnh đời tam nông những ngày xưa ấy dưới thời phong kiến với chế độ gia trưởng độc đoán, chuyên quyền, phảng phất đâu đây số phận những người phụ nữ bị đọa đầy, oan nghiệt, nhưng cũng nổi bật lên những tấm lòng, những hình tượng nhân hậu, kiên trung, ân tình, thủy chung, đảm đang, bất khuất của những người vợ, người mẹ là những người nông dân lao động bình thường trong xã hội (Nếu là những vở diễn Chèo cổ, Chèo truyền

thống về hiện thực quá khứ: dân gian, truyện nôm khuyết danh, lịch sử, dã sử, thần thoại, cổ tích...). Cũng từ những “cảnh đời” tại các vở diễn do ông thiết kế ấy, cảm thức như đầu đây văng vẳng tiếng sáo diều, “nhắm mắt lại” mơ hồ trong xao động hồn quê như thấy cả cây đa, giếng nước, sân đình, bãi chợ, bến sông mà những vở Chèo từng diễn ra. Lý giải những kết quả này không chỉ là tài năng họa sĩ mà còn phải bằng vốn sống, sự am hiểu và rung động rộng rãi, sâu sắc về đời cũ: từ cung đình sa hoa tráng lệ (qua các triều đại Đinh, Lê, Lý, Trần, Lê, Nguyễn,...) đến tận những nơi xóm nghèo cùng khổ, ở đây, biết bao kiếp người, hết đời này sang đời khác, làm than, đói khổ, quần quật quanh năm lấm mặt cháy lưng, bị áp bức, bắt công ôm ghi cuộc sống ... Ở đó, cái thiện, cái ác xen nhau va đập khi quyết liệt, căng thẳng; khi ngừng lặng hoà hoãn. Bay lượn trên những cung đời thiện - ác ấy là những áng mây tâm linh của các đạo vờn xoáy, âm u đầy cam chịu và “tức nước vỡ bờ” tự phát, hiện thân cho những khát vọng bị kịch hạnh phúc tình yêu đang hiện hữu. Tất cả, chúng đều ảnh xạ vào những cảnh trí, phục trang, đạo cụ mà ông thiết kế, bắt đầu từ vở *Quan Âm Thị Kính* (Nhà hát Chèo Việt Nam, 1985), rồi lần lượt đến các vở sau: *Tám Cám* (đoàn Chèo Hà Tây, 1970), *Trương Viên* (đoàn Chèo Hải Phòng, 1974), *Súy Vân* (đoàn Chèo Hà Nam, 2001), *Trê Cóc* (Nhà hát Chèo Việt Nam, 2003), *Lưu Bình - Dương Lễ* (Nhà hát Chèo Việt Nam, 1987), *Trương Viên* (đoàn Chèo Hà Bắc, 1994), *Từ Thức* (Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội, 1976), *Quan Âm Thị Kính* (Nhà hát Chèo Thái Bình, 2001), *Đường lên núi sắt* (đoàn Chèo Bắc Thái, 1971), *Thạch Sanh* (đoàn Chèo Hải Phòng, 1974), *Trương Viên* (đoàn Chèo Hà Nội, 2001), v.v...

Tác phẩm thiết kế mỹ thuật đầu tiên của họa sĩ Dân Quốc cho vở diễn Chèo về hiện thực cách mạng và kháng chiến của đoàn Chèo Hà Tây, là vở Chèo *Chị Tâm bến Cốc* (1968), kịch

bản của cô NSND. Tào Mạt. Cùng với vở diễn, tác phẩm mỹ thuật Chèo đầu tiên này của Dân Quốc đã được khán giả nhiệt liệt hưởng ứng và các bậc thầy trong giới công nhận ông là họa sĩ thiết kế mỹ thuật Chèo chuyên nghiệp. Từ đó, đến khi nghỉ hưu (2003), ngoài thiết kế mỹ thuật cho các vở diễn của Nhà hát Chèo Việt Nam (nơi ông công tác), thì 17 tỉnh, thành phố (những địa phương có các Đoàn, Nhà hát Chèo) và quân đội, đều mời ông thiết kế mỹ thuật cho các vở diễn Chèo của họ. Thiết kế mỹ thuật cho các vở Chèo truyền thống, hầu như họa sĩ Dân Quốc đều thành công, đặc biệt trong đó là thiết kế mỹ thuật của vở Chèo *Quan Âm Thị Kính*, không chỉ có tiếng vang trong nước, mà còn được hưởng ứng và đánh giá cao ở nước ngoài. Như lời ông tâm sự: “Sau 19 năm làm Họa sĩ thiết kế mỹ thuật ở Nhà hát Chèo Việt Nam đến khi nghỉ hưu năm 2003, tôi đã thiết kế được 27 vở diễn, 3 chương trình Chèo đi biểu diễn Quốc tế: tại Bungaria, 1982, tại Liên hoan Sân khấu Quốc tế ở CHDC Đức (với vở *Quan Âm Thị Kính*) 1985, và Liên hoan Sân khấu các nước nói tiếng Pháp tại Limoge năm 1993. Năm 1987 được mời giới thiệu về mỹ thuật Chèo tại triển lãm Mỹ thuật sân khấu Quốc tế tổ chức ở Tiệp Khắc”. Về đề tài hiện thực đương đại, trong đó có đề tài hiện thực cách mạng và kháng chiến, ông có nhiều tác phẩm thành công và “rất Chèo” như các vở: *Dệt những mùa xuân* - Nhà hát Chèo Việt Nam, 1978, *Nhớ về Bắc Mẽ* - đoàn Chèo Quảng Ninh, 1986, *Đôi mắt* - Trường Nghệ thuật Sân khấu Việt Nam, 1976, *Dòng thác đỏ* - đoàn Chèo Hà Tuyên 1979, *Tám lòng hậu phương* - đoàn Chèo Trường Sơn, 1971, *Chuyện tình dưới mái đình xưa* - đoàn Chèo Thái Bình, 1994, *Đêm trăng huyền thoại* - đoàn Chèo Thái Nguyên, 1999, *Bão rừng* - đoàn Chèo Hoàng Liên Sơn, *Chiếc nón bài thơ* - đoàn Chèo Nam Hà 1978, *Ngôi sao Hạ Long* - đoàn Chèo Quảng Ninh, 1976... Đặc biệt thành công, thấm đẫm chất

Chèo đến từng chi tiết của thiết kế mỹ thuật vở diễn Chèo hiện đại *Sông Trà Khúc* của cô NSND. Tào Mạt; đạo diễn Trần Bảng có nhận xét: “Đạo diễn và Họa sĩ đã xử lý một không gian hoàn toàn ước lệ. Chiếm toàn bộ không gian phong hậu là một bản đồ thế giới phác họa một cách giản lược. Bục diễn ở trung tâm được ghép bằng những mảnh xác máy bay của không lực Hoa Kỳ. Một nhịp cầu giả bằng nhôm vươn lên, vừa gợi tưởng chiếc cầu trên dòng sông (Trà Khúc), vừa phục vụ cho tạo hình trong điệu độ (các tuyến di chuyển) của các diễn viên đóng vai (các nhân vật) của vở diễn... Nhìn chung, toàn thể vở diễn *Sông Trà Khúc* mang một dáng dấp hiện đại mới lạ”; trong đó có đóng góp cũng rất lạ mà quen của thiết kế mỹ thuật. Vở diễn đã được tặng thưởng Huy chương Vàng tại Hội diễn Sân khấu toàn quốc được tổ chức tại Nghĩa Bình năm 1985.

Hơn 120 vở diễn Chèo của các Nhà hát và các đoàn Chèo trong cả nước, do họa sĩ Dân Quốc làm thiết kế mỹ thuật, có đến ¼ số vở diễn trong đó được chuyển thể từ kịch bản nước ngoài. Nổi trội trong số ấy là vở diễn *Vòng phản Capkado*, kịch bản của Bertolt Brecht, Vinh Mậu chuyển thể Chèo.

Họa sĩ Dân Quốc nay đã ở tuổi ngoài 80, hiện thực mới của các thế hệ con người mới Việt Nam - sản phẩm của cuộc cách mạng công nghệ 4.0 (gồm trí tuệ nhân tạo, công nghệ số hoá, công nghệ sinh học, công nghệ vật lý) đã và đang làm chủ “thế giới phẳng”, trong đó có nước ta. Ông vô cùng băn khoăn, lo lắng (mà không làm gì được, bởi lực bất tòng tâm): Liệu Chèo còn thích hợp với hiện thực mới nữa không? Thích hợp đến mức nào, những gì đã thuộc về quá khứ cần phải “loại suy”, Nguyên tắc nào trong phương pháp thể loại Chèo truyền thống đã không còn thích hợp nữa, cần dần dần hình thành, bổ sung trong quá trình phản ánh hiện thực mới và con người xã hội cách mạng công nghệ 4.0... Biết bao vấn đề về Chèo trước

hiện thực mới được đặt ra một cách cấp thiết. Song, ai làm?

Nhìn vào thực tế: Đội ngũ các nhà nghiên cứu Lý luận, Phê bình sân khấu và Sân khấu học Việt Nam, nay chỉ còn vài ba thầy đã ở độ tuổi “ngoại bát tuần”, người trẻ thì chưa thấy một ai, mặc dù tiến sĩ nghệ thuật sân khấu do Viện Văn hoá Nghệ thuật quốc gia Việt Nam và trường Đại học Sân khấu & Điện ảnh Hà Nội đào tạo ra, tới nay cũng đã được vài chục vị, nhưng không một tiến sĩ nào làm công tác Nghiên cứu cả.

Còn sân khấu Chèo, có phát triển, đổi mới, để nhập cuộc cùng đời sống mới đương đại được hay không, trước tiên, phải nhờ vào đội ngũ kịch tác gia. Nhưng kịch tác gia Chèo đích thực và gạo cội chỉ còn duy nhất có một, đã vào tuổi 80. Ngoài ra, cũng có vài ba tác giả trẻ, có kịch bản tham gia Hội diễn; song, chưa thành “nhà” viết kịch bản Chèo chuyên nghiệp được, mà vẫn đang trên đường “trở nên là”. Trong Hội diễn, có vở diễn dàn dựng từ kịch bản của họ được Huy chương Vàng, Huy chương Bạc...

Nhưng, hiện thực được phản ánh trong những vở diễn ấy đều là hiện thực cách mạng và kháng chiến, thậm chí là những tích xưa (lịch sử, dã sử, cổ tích, thần thoại...). Nếu không nhờ có “tài” đạo diễn, biểu diễn của diễn viên, “phù phép” của đạo diễn, v.v..., thì những vở diễn ấy chẳng khác gì mấy so với các vở Chèo cổ, Chèo cách mạng và kháng chiến và “kịch chèo”. Thật ra, họ né tránh hoặc chưa đủ tầm đi vào những vấn đề bức xúc của đời sống hôm nay, do những con người mới (của xã hội công nghệ 4.0 hành xử trong các mối quan hệ thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa) đang tạo lập ra.

Trở lại, Người thiết tạo những không gian “sắc sắc không không” cho hơn 120 vở diễn Chèo, với cuốn sách in hơn 4000 mẫu trang phục, được tuyển chọn từ những vở diễn ấy, do nhà xuất bản Sân khấu ấn hành cuối năm 2018, có tên là “Mỹ thuật sân khấu Chèo - Phục trang biểu diễn”. Từ cuốn sách này, một lần nữa chúng tôi chứng tỏ rằng, làm mỹ thuật Chèo, nếu không có hoặc kém tâm hồn (của một trái tim lớn) và tư duy dân tộc thì không thể làm mỹ thuật Chèo.

\* PGS.TS, Nghiên cứu Nghệ thuật sân khấu

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Dân Quốc, *Mỹ thuật Chèo*, Tập I, NXB. Sân khấu, 2012.
2. Nguyễn Dân Quốc, *Mỹ thuật Chèo*, Tập II, NXB. Sân khấu, 2012
3. Nhiều tác giả, *Từ điển Văn học*, Tập I, NXB. Khoa học Xã hội, H., 1983.
4. Trung tâm Từ điển học, *Từ điển Tiếng Việt*, NXB. Đà Nẵng, 2015.
5. Trần Bảng, *Khái luận về Chèo*, Viện Sân khấu, Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội, 1999.

Ngày Tòa soạn nhận được bài: 22/7/2024; Ngày phản biện, đánh giá: 10/8/2024  
Ngày chấp nhận đăng: 17/8/2024; Ngày đăng: 20/9/2024